

Bản án số: 91/2024/HS-ST
Ngày 18-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Cảnh;

Ông Nguyễn Văn Cương;

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HS ngày 14/6/2024 đối với bị cáo:

Trần Thị Thanh T sinh năm 1985 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: 18/3 đường F, tổ H, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có chồng và có 02 người con; tiền sự: không; tiền án: ngày 22/02/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Vận chuyển hàng cấm”; nhân thân: ngày 12/8/2014, bị Công an huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi “Buôn bán hàng cấm”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/3/2023 cho đến nay, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thanh T:** Luật sư Châu Thị N – Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, vắng mặt.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1976; địa chỉ: số A đường P, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Đoàn Văn H1, sinh năm 1985; địa chỉ: số A đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.
2. Ông Phan Văn B, sinh năm 1965; địa chỉ: số A đường B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
3. Ông Phan Thanh H2, sinh năm 1985; địa chỉ: số B đường H, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
4. Ông Lê Minh L1, sinh năm 1991; địa chỉ: số E, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
5. Bà Trần Thị X, sinh năm 1978; địa chỉ: số Á, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, vắng mặt.
6. Bà Trần Thảo N1, sinh năm 1985; địa chỉ: số C đường F, tổ E, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
7. Bà Lê Thị Kiều H3, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An, vắng mặt.
8. Ông Trần Văn L, sinh năm 1963, ngụ tại: xã T, huyện Đ, tỉnh Long An, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Chung A, vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị H4, vắng mặt.
3. Ông Lê Quang V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị Thanh T làm dịch vụ đưa đón khách (dịch vụ chạy xe thuê), khoảng tháng 08/2022, T lên mạng xã hội Facebook trao đổi và cung cấp thông tin cho đối tượng tên L2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đặt làm giả 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị Thanh T, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe Toyota Vios biển số 62A-260.39 mang tên Trần Thị Thanh T, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm số 0264993 xe ô tô biển số 62A-260.39 để nhằm mục đích đối phó cơ quan chức năng kiểm tra trong quá trình kinh doanh vận chuyển hành khách.

Khoảng tháng 02/2023, do T đã mượn tiền của nhiều người dẫn đến không có khả năng trả nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các bị hại bằng thủ đoạn T đi thuê xe ô tô tự lái, sau đó làm giả các Giấy chứng nhận đăng ký xe, Phiếu đăng kiểm xe rồi mang đi cầm cố để lấy tiền. Cụ thể như sau:

Ngày 01/3/2023, T thuê xe ô tô hiệu Honda Civic biển số 51H-050.07 của Công ty TNHH T3, địa chỉ tại số D đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Mỹ P làm Giám đốc, thời hạn thuê là 01 tháng, kể

từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/4/2023, giá thuê 20.000.000 đồng/tháng. Khi thuê xe, T là người ký tên trên hợp đồng thuê và giao xe tại địa chỉ số nhà A ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến sáng ngày 05/3/2023, T lên mạng internet tìm kiếm và tải ứng dụng T1 và tìm thông tin để làm giả giấy chứng nhận đăng ký ô tô. Sau khi trao đổi, T gửi thông tin xe ô tô biển số 51H-059.07, với các thông tin cá nhân của T và đồng ý mức giá làm giả giấy chứng nhận đăng ký ô tô là 3.000.000 (ba triệu) đồng, sau đó T chuyển khoản Ngân hàng cho người tên L2 (chưa rõ nhân thân lai lịch). Đến chiều cùng ngày, T nhận được giấy đăng ký xe ô tô giả biển số 51H-059.07 do T đứng tên “Trần Thị Thanh T” từ một nhân viên giao hàng nhanh (chưa rõ nhân thân lai lịch).

Ngày 08/3/2023, T tiếp tục thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Mỹ P để thuê 01 xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 51G-402.01, thời hạn thuê xe là 01 tháng, giá thuê là 1.000.000 đồng/ngày. Khi Công ty giao xe, T không có ở nhà nên anh Phạm Thanh H5 (chồng T) đã ký vào bản hợp đồng, giao xe tại địa chỉ số A ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai bản hợp đồng đều quy định tại khoản 6 Điều VI về trách nhiệm của bên thuê không được cầm cố, thế chấp, sử dụng sai mục đích và vi phạm pháp luật. Sáng ngày 09/3/2023, T tiếp tục lên mạng xã hội thuê đối tượng tên “L2” làm giả giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 51G-402.01 với giá 3.000.000 (ba triệu) đồng và T cũng chuyển khoản cho đối tượng tên “L2” thông qua dịch vụ chuyển tiền nhanh. Đến chiều cùng ngày, T nhận được giấy đăng ký xe ô tô biển số 51G-402.01 do “Trần Thị Thanh T” đứng tên từ một nhân viên giao hàng nhanh (chưa rõ nhân thân lai lịch).

Sau khi làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe, đến chiều ngày 09/3/2023, T gọi điện thoại cho Nguyễn Chung A, sinh năm 1997, ngụ tại: thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (bạn bè quen biết ngoài xã hội) để hỏi Chung A có quen chỗ nào cầm xe và nhờ giới thiệu để T cầm cố 02 xe ô tô. Nghe T nói vậy, Chung A gọi điện thoại cho anh Đoàn Văn H1, sinh năm 1985, ngụ tại: phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ Hương Huy H6, địa chỉ số A, đường D thuộc khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương giới thiệu để T cầm xe, anh H1 đồng ý. Khi trao đổi thống nhất việc cầm xe, Chung A có gửi thông tin xe và giấy tờ cho anh H1 xem trước.

Đến khoảng 16 giờ ngày 10/3/2023, T điều khiển xe ô tô hiệu Vios biển số 62A-191.14, Nguyễn Văn N2 (chưa rõ lai lịch) điều khiển xe Innova biển số 51G-402.01 đi cùng Chung A đến tiệm C, địa chỉ 1086, đường D thuộc khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương gặp anh H1 để cầm cố xe. Lúc này, T đưa ra 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 279392 do Phòng C1 Công an Thành phố C1 cấp ngày 05/6/2017 và 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 2293391 được đơn vị đăng kiểm xe cơ giới 50-02S cấp ngày 19/9/2022 cho anh H1 xem. Sau khi xem qua các tài liệu do T cung cấp, anh H1 tin tưởng T là chủ sở hữu của xe ô tô 51G-402.01 nên đồng ý cầm xe với số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, ông H1 đã giao tiền cho T qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 188338338 Ngân hàng A1 qua số tài khoản 6120236127979 của T tại Ngân hàng A2.

Khoảng 08 giờ ngày 11/3/2023, T điều khiển xe Vios biển số 62A-191.14 đến tiệm cầm đồ “Hương H” đề nghị cầm xe ô tô này, do đã được xem trước hình ảnh xe nên ông H1 dự định sẽ cầm xe này với giá 520.000.000 (năm trăm hai mươi triệu) đồng. Ông H1 yêu cầu T đưa giấy tờ xe để kiểm tra. Lúc này, ông H1 nghi ngờ giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Civic, biển số 51H-059.07 là giả nên báo Công an. Ngay sau đó, Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa Trần Thị Thanh T cùng tang vật về trụ sở làm việc. (bút lục số 53-54).

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 279392 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố C1 cấp ngày 05/6/20217 (tương ứng với xe ô tô Toyota Inova biển số 51G-402.01);

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 2293391 được đơn vị đăng kiểm xe cơ giới 50-02S cấp ngày 19/9/2022 (tương ứng với xe ô tô Toyota Inova biển số: 51G-402.01);

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển số 51G-402.01; số loại Inova TGN140L-MUMSKU; số máy 1TRA281222; số khung RL4JW8EMXH3228886

- 01 (một) hợp đồng cầm cố tài sản được lập giữa dịch vụ cầm đồ Hương Huy H6 và bà Trần Thị Thanh T vào ngày 10/3/2023 (đương sự T chưa ký). (Bút lục số 35).

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển số 62A-191.14, số loại Vios G NSP151L-EEXGKU; số máy: 2NRX562521; số khung: RL4B33L5087715. (Bút lục số 36).

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu honda, biển số 51H-059.07, số loại: CIVIC RS FC168KEN; số máy L15B74621045; số khung MRHFC1680KT030205. (bút lục số 37).

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại: Vios E NSP151L-EEMKU; số máy 2NRX360448, số khung RL4B23F31J5046612. (bút lục số 38).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, (Imei: 356107168405903;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, (Imei 1: 350664638015551, Imei 2: 35664639011054);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16, (Imei 1: 865466055035718, Imei 2: 865466055035700);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, (Imei 1: 356718112722506, Imei 2: 356718112735938; (bút lục số 39).

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 041713 do Phòng C1 Công an tỉnh L cấp ngày 20/02/2020;

- 01 (một) căn cước công dân số 0801842044231 do cục C2 về TTXH cấp ngày 22/10/2019. (bút lục số 40).

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô Toyota Vios G biển số 62A-191.14.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô Toyota Inova biển số 51G-478.79.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô Toyota Vios E biển số 62A-206.39. (bút lục số 41).

- 02 (hai) hợp đồng cho thuê xe, số 0001557/HĐCTX ngày 01/3/2023; số 0001128/HĐTX ngày 08/3/2023 (bản chính). (bút lục số 42).

* Bản Kết luận giám định số 379/KL-KTHS(TL) ngày 18/8/2023 của Phòng K công an tỉnh B kết luận:

1. Chữ ký mang tên “KS. Huỳnh Văn T2”, “KS. Hoàng Sinh N3” và hình dấu tròn có nội dung “*SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI T.P HỒ CHÍ MINH – TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 50 – 02S” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu (A1 và A2) so với chữ ký Huỳnh Văn T2, Hoàng Sinh N3 và hình dấu tròn có nội dung trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) do cùng một người ký và có nguồn gốc từ 01 con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên “Nguyễn Thanh Đ” và hình dấu tròn có nội dung “*M.S.D.N: 1201604268 – C.T.C.P * H – T. TIỀN GIANG – CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 63-03D” Trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký của Nguyễn Thanh Đ và hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M4, M5) do cùng một người ký và nguồn gốc từ một con dấu đóng ra. (Bút lục số 164 – 165).

* Bản Kết luận giám định số: 108/KL-KTHS(TL) ngày 16/3/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

1. 01 (một) “Căn cước công dân” số 080184204231, mang tên “Trần Thị Thanh T”, sinh năm 1984, nơi cư trú: Ô3 20/193 Nhà Dài, thị trấn T, T, Long An, đề ngày 22/10/2019 (ký hiệu A1) là giả.

2. Phôi và hình dấu tròn trên 03 (ba) giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 279392, 079313, 041713 và 01 (một) “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” số: DA 0264993 (ký hiệu từ A2 đến A5) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

3. Để có cơ sở kết luận các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A6 đến A) là thật hay giả. Phòng K Công an tỉnh B đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương thu mẫu chữ ký và hình dấu có nội dung như trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A6 đến A9) không giới hạn số lượng (ít nhất 03 mẫu) và gửi toàn bộ hồ sơ về phòng K để giám định. (bút lục số 166).

* Bản Kết luận định giá số 70/BBĐG-HĐĐGTS ngày 11/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D kết luận:

Xe ô tô con nhãn hiệu Honda, số loại Civic, màu sơn trắng, số khung: 1680KT030205, số máy: L15B74621045, biển số 51H – 059.07 trị giá 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). (Bút lục số 239)

Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn bạc, số khung: 8EMXH3228886, số máy: 1TRA281222, biển số 51G – 402.01 trị giá 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Trách nhiệm dân sự: Ông Đoàn Văn H1 – Chủ tiệm cầm đồ Hương Huy H6 yêu cầu bị can Trần Thị Thanh T bồi thường 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Trần Thị Thanh T chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường; ông Trần Văn L (cha ruột của T) đã tự nguyện nộp số tiền 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng) khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số 80/CT-VKS-P2 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thị Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày lời luận tội trong đó vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng truy tố bị cáo Trần Thị Thanh T. Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội một thời gian nhằm cải tạo giáo dục bị cáo thực sự thành người có ích cho gia đình và xã hội; Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T mức án từ 14 năm đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; mức án từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 02 tội là từ 16 năm đến 18 năm tù; Áp dụng Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị Tòa án tổng hợp hình phạt 02 năm tù cho hưởng án treo của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang đối với bị cáo Trần Thị Thanh T theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Đoàn Văn H1 số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại 02 điện thoại di động 105 và tịch thu 02 điện thoại di động Iphone đã thu giữ của bị cáo; các tài liệu giả đề nghị thu giữ trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo không tham gia tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm được trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thanh T là Luật sư Châu Thị N, quá trình điều tra, truy tố các cơ quan tiến hành tố tụng có văn bản gửi Đoàn luật sư tỉnh B cử luật sư chỉ định tham gia bào chữa cho bị cáo, người bào chữa có mặt trong suốt quá trình điều tra, tuy nhiên Luật sư N có thông báo do bận công tác không tham gia bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa; bị cáo T có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử; bị cáo không cần phải có mặt các Luật sư tại phiên tòa, bị cáo xin tự bào chữa cho bị cáo; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị cáo theo quy định tại Điều 77 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo. Do đó, có cơ sở xác định: do cần tiền tiêu xài cá nhân, Trần Thị Thanh T nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định trên, T lần lượt thuê xe ô tô biển số 51H – 059.07 trị giá 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng và xe ô tô biển số 51G – 402.01 trị giá 480.000.000 (bốn trăm tám mươi triệu) đồng. Đồng thời, T lên mạng xã hội đặt làm 05 tài liệu giả rồi mang đến tiệm cầm đồ để cầm xe; cụ thể ngày 10/3/2023, T mang xe ô tô 51G-402.01 đến cầm lấy số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng để lấy tiền tiêu xài, ngày 11/3/2023, T tiếp tục mang xe ô tô biển số 51H-059.07 đến cầm cho ông H1 với số tiền 520.000.000 (năm trăm hai mươi triệu) đồng; thì bị phát hiện. Tổng giá trị của 02 xe ô tô trên được xác định là 1.130.000.000 (một tỷ một trăm ba mươi triệu) đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thị Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là chưa chính xác; sau khi thuê được xe bị cáo Trần Thị Thanh T lên mạng xã hội để đặt làm giả: Phôi và hình dấu tròn trên 03 (ba) giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 279392, 079313, 041713 và 01 (một) “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông

cơ giới đường bộ” số: DA 0264993 và 01 căn cước công dân, bị cáo là người cung cấp thông tin để đối tượng khác làm nên có đủ căn cứ xét xử bị cáo T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi cung cấp thông tin để thuê người làm giả các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Trần Thị Thanh T và dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xử phạt các bị cáo một mức án cho phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng thời có tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả, quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Ngày 22/02/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Vận chuyển hàng cấm”; trong thời gian thử thách bị cáo phạm tội mới nên mức hình phạt cho hưởng án treo sẽ chuyển thành hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Đối với anh Phạm Thanh H5 (chồng của bị cáo T) là người đã ký vào bản hợp đồng, giao nhận xe ô tô, biển số 51G-402.01 tại địa chỉ số A ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi giao, nhận xe anh H5 không biết T thuê xe và làm giả giấy tờ xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn N2 và Lê Văn N4 (không rõ nhân thân, địa chỉ) cùng đi với T để cầm cố xe, Trần Thị Thanh T khai N2 và N4 không biết việc T làm giả giấy tờ xe để mang các xe trên đi cầm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không đề nghị xử lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Chung A là bạn bè quen biết ngoài xã hội với Trần Thị Thanh T và Nguyễn Thị H4 (bạn gái của Chung A) khi Chung A nghe T hỏi về việc nhờ tìm chỗ cầm xe thì Chung A biết chỗ cầm xe nên chỉ cho T và khi

mang xe đến cầm tại tiệm cầm đồ; Chung A và H4 đi cùng nhưng cả hai không biết việc T làm giả giấy tờ để mang xe của người khác đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân, đồng thời Chung A và H4 cũng không được chia lợi ích vật chất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không đề nghị xử lý là có căn cứ.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 279392 do Phòng CSGT Công an Thành phố C1 cấp ngày 05/6/2017 (tương ứng với xe ô tô Toyota biển số 51G-402.01);

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số 2293391 được đơn vị đăng kiểm xe cơ giới 50-02S cấp ngày 19/9/2022 (tương ứng với xe ô tô Toyota biển số 51G-402.01);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 041713 do Phòng CSGT Công an tỉnh L cấp ngày 20/02/2020;

- 01 (một) Căn cước công dân số 080184204231 do Cục C3 cấp ngày 22/10/2019 tên Trần Thị Thanh T;

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe Toyota Vios G biển số 62A-191.14;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe Honda Civic biển số 51H-059.07;

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe Honda Civic biển số 51H-059.07;

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe Toyota Innova biển số 51G-478.79;

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe Toyota Vios E biển số 62A-206.39; là chứng cứ để buộc tội bị cáo nên không tịch thu tiêu hủy mà lưu vào hồ sơ vụ án; hiện đã chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương nên cần chuyển trở lại để lưu giữ theo hồ sơ vụ án

- Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 thu giữ trong quá trình điều tra không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Trần Thị Thanh T;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, bị cáo dùng để liên lạc trong khi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Trần Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho ông Đoàn Văn H1 số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng được khấu trừ số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng mà ông Trần Văn L (cha ruột của Trần Thị Thanh T) đã nộp khắc phục hậu quả; bị cáo Trần Thị

Thanh T còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Đoàn Văn H1 số tiền 371.000.000 (ba trăm bảy mươi một triệu) đồng.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh và mức hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” về tội danh là chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; về mức hình phạt là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án và có trách nhiệm bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” .

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Trần Thị Thanh T phải chấp hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù;

Áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chuyển hình phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển hàng cấm” thành tù có thời hạn với mức hình phạt là 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Trần Thị Thanh T phải chấp hình phạt chung cho cả hai bản án là 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2023 được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 24/7/2021 đến ngày 22/02/2022 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2022/HSST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Trần Thị Thanh T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho ông Đoàn Văn H1 số tiền 371.000.000 (ba trăm bảy mươi một triệu) đồng. ông Đoàn Văn H1 được quyền liên hệ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương để nhận số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng

(theo Ủy nhiệm chỉ số C4-02a/NS ngày 05/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh B với Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

4.1. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương chuyển giao lại để lưu vào hồ sơ vụ án các tài liệu gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 279392 do Phòng CSGT Công an Thành phố C1 cấp ngày 05/6/2017 (tương ứng với xe ô tô Toyota biển số 51G-402.01);

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số 2293391 được đơn vị đăng kiểm xe cơ giới 50-02S cấp ngày 19/9/2022 (tương ứng với xe ô tô Toyota biển số 51G-402.01);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 041713 do Phòng CSGT Công an tỉnh L cấp ngày 20/02/2020;

- 01 (một) Căn cước công dân số 080184204231 do Cục C3 cấp ngày 22/10/2019 tên Trần Thị Thanh T;

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe Toyota Vios G biển số 62A-191.14;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe Honda Civic biển số 51H-059.07;

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe Honda Civic biển số 51H-059.07;

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe Toyota Innova biển số 51G-478.79;

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe Toyota Vios E biển số 62A-206.39;

4.2. Trả lại cho Trần Thị Thanh T:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, IMEI: 356107168405903, không kiểm tra tình trạng bên trong, tình trạng hoạt động;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, IMEI 1: 350664638015551; IMEI 2: 35664639011054, không kiểm tra tình trạng bên

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

trong, tình trạng hoạt động;

4.3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16, IMEI 1: 865466055035718; IMEI 2: 865466055035700, không kiểm tra tình trạng bên trong, tình trạng hoạt động;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, IMEI 1: 356718112722506; IMEI 2: 356718112735938, không kiểm tra tình trạng bên trong, tình trạng hoạt động.

(theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Trần Thị Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 18.550.000 (mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh BD;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng (10);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: VT (2), hồ sơ vụ án, NMT, 27.

Trương Văn Lộc